

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng Nhà máy sản xuất sản phẩm đan nhựa giả mây và hoàn thiện sản phẩm gỗ nội thất Phước Thành tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước của Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3062/STNMT-CCBVMT ngày 30/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng Nhà máy sản xuất sản phẩm đan nhựa giả mây và hoàn thiện sản phẩm gỗ nội thất Phước Thành tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng Nhà máy sản xuất sản phẩm đan nhựa giả mây và hoàn thiện sản phẩm gỗ nội thất Phước Thành tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 20/CV-HG ngày 10/9/2024 của Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1076/TTr-STNMT ngày 10/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Mở rộng Nhà máy sản xuất sản phẩm đan nhựa giả mây và hoàn thiện sản phẩm gỗ nội thất Phước Thành (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phước

Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐAN NHỰA GIẢ MÂY
VÀ HOÀN THIỆN SẢN PHẨM GỖ NỘI THẤT PHƯỚC THÀNH CỦA
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mở rộng Nhà máy sản xuất sản phẩm đan nhựa giả mây và hoàn thiện sản phẩm gỗ nội thất Phước Thành.
- Địa điểm thực hiện: thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang.
- Địa chỉ liên hệ: Lô 6 đường Võ Duy Dương, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.7778686.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi: Tổng diện tích 39.465,21 m².
- Công suất:
 - + Công suất chế biến: 45.000 sản phẩm/tháng (gồm: 13.500 sản phẩm đan nhựa giả mây kết hợp với chi tiết gỗ và 31.500 sản phẩm đan nhựa giả mây truyền thống), khoảng 90 container/tháng, ước tính 500.000 sản phẩm/năm.
 - + Công suất khai thác nước ngầm: 45 m³/ngày.đêm.
- Quy mô: Dự án có hoạt động khai thác tài nguyên nước với công suất 45 m³/ngày.đêm thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác nước của UBND tỉnh thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại khoản 4, Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và số thứ tự 9, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình chung: Nhập các chi tiết kim loại, gỗ tinh chế không qua chế biến → Lắp ráp (hàn đối với kim loại, gỗ chi tiết) các chi tiết theo thiết kế → Hoàn thiện các khung, định hình sản phẩm → Đan dây nhựa giả mây vào các khung kim loại hoặc khung gỗ → KCS Kiểm tra → Đóng gói và xuất hàng.
- Các quy trình chi tiết:
 - + Quy trình hoàn thiện khung kim loại: Nguyên liệu (*kim loại*) → Nhập kho → Cắt → Hàn → Làm sạch bề mặt kim loại bằng tẩy rửa (*Rửa dầu → Rửa nước → Rửa Nano → Rửa nước*) → KCS kiểm tra → Sơn tĩnh điện → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất dây nhựa: Nguyên liệu (nhựa nguyên sinh và nhựa tái chế, màu...) → Pha trộn → Máy tạo sợi (*sử dụng điện để gia nhiệt*) → Làm mát → Cắt ra cuộn thành phẩm.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.4.1. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

- Các công trình xây dựng:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	22.881	57,98
1	Nhà bảo vệ 1	16	
2	Nhà bảo vệ 2	16	
3	Nhà xưởng sản xuất số 1 (<i>kho thành phẩm</i>)	6.608	
4	Nhà xưởng sản xuất số 2 (<i>cắt, hành khung kim loại, sơn tĩnh điện, sản xuất dây nhựa</i>)	6.136	
5	Nhà xưởng sản xuất số 3 (<i>kho nguyên liệu và bán thành phẩm</i>)	6.608	
6	Showroom + Văn phòng làm việc	472	
7	Nhà kho 1	1.250	
8	Nhà kho 2	1.152	
9	Bể nước PCCC + nhà đặt máy bơm	288	
10	Bể xử lý nước thải	100	
11	Nhà chứa chất thải rắn (chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại)	16	
12	Trạm biến áp	9	
13	Cầu nổi chiều cao $\geq 4,5\text{m}$	210	
II	Đất cây xanh	7.913,5	20,05
III	Đất sân bãi, đường nội bộ	8.670,71	21,97
Tổng diện tích quy hoạch		39.465,21	100,0

- 04 giếng khai thác nước ngầm xây dựng mới với tổng công suất 45 m³/ngày, gồm: Giếng 1 (tọa độ X = 1.525.098; Y = 593.188), công suất bơm 15 m³/ngày; Giếng 2 (tọa độ X = 1.525.274; Y = 593.132), công suất bơm 10 m³/ngày; Giếng 3 (tọa độ X = 1.525.346; Y = 593.292), công suất bơm 5 m³/ngày và Giếng 4 (tọa độ X = 1.525.224; Y = 593.323), công suất bơm 15 m³/ngày.

1.4.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công

suất 25 m³/ngày.đêm; hai (02) hệ thống xử lý bụi với tổng công suất 50.000 m³/h; kho chứa chất thải rắn sinh hoạt 4 m², khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 6 m² và kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 6 m².

- Cây xanh toàn bộ dự án: 7.913,5 m² (đạt tỷ lệ 20,05%), đảm bảo tỷ lệ theo QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

1.4.4. Các hạng mục, công trình không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng, khai thác và vận chuyển khoáng sản san nền mặt bằng dự án.

1.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi và khí thải, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động san nền mặt bằng, thi công công trình, tập kết và lưu trữ nguyên vật liệu, bốc dỡ, lắp đặt thiết bị; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt từ sinh hoạt cán bộ, công nhân; nước thải xây dựng; nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, sự cố,...

- Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy; bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, sự cố,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,16 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải từ quá trình vệ sinh và rửa các thiết bị xây dựng khoảng 5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị, đất, cát,....

- Nước từ hoạt động thăm dò để khoan giếng: phát sinh khoảng 129,6 - 187,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải từ hoạt động khoan giếng: phát sinh khoảng 13,43 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 14,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải sản xuất gồm các nguồn phát sinh và thành phần như sau:

+ Nước thải từ công đoạn rửa tẩy làm sạch bề mặt kim loại phát sinh khoảng 23 m³/ngày.đêm. Trong đó công đoạn rửa tẩy bằng hóa chất phát sinh khoảng 6,5 m³/ngày.đêm, công đoạn rửa tẩy bằng nước phát sinh khoảng 16,5 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu cặn kim loại, dầu,...

+ Nước thải từ công đoạn làm mát trong quá trình sản xuất dây nhựa giả mây khoảng 14,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên bề mặt dự án. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, tập kết vật liệu. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Bụi từ các công đoạn sản xuất (quá trình cắt, hàn kim loại, từ hoạt động phun sơn tĩnh điện,...). Thành phần chủ yếu là bụi với lưu lượng xả khí thải (bụi) lớn nhất được tính theo tổng công suất của 02 quạt hút của hệ thống phun sơn tĩnh điện là 50.000 m³/h.

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất giấy nhựa từ hạt nhựa. Thành phần chủ yếu là bụi, CO₂, SO₂, Vinyl clorua...

- Hoạt động của phương tiện vận chuyển phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 41,1 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,....

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 11,8 - 19,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là gạch vỡ, ống nhựa, sắt thép vụn, bao bì,...

b) Giai đoạn vận hành của dự án:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 273,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,....

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: khối lượng phát sinh khoảng 145,38 - 165,38 tấn/năm. Thành phần gồm kim loại thải bỏ, bụi kim loại, dây nhựa vụn thải bỏ,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng....) với khối lượng khoảng 28 kg trong suốt thời gian thi công.

b) Giai đoạn vận hành của dự án: khối lượng phát sinh khoảng 17.395 kg/năm, gồm:

- Khối lượng chất thải nguy hại: 595 kg.

TT	Tên chất thải	Trạng thái (Rắn, lỏng, bùn)	Đơn vị	Số lượng	Mã CTNH
1	Cặn lắng từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại	Rắn	Kg/năm	500	07 01 05
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	Kg/năm	5	08 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	Kg/năm	20	16 01 06
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	Kg/năm	10	16 01 12
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	Lỏng	Kg/năm	60	17 02 03
Tổng cộng				595	

- Khối lượng chất thải phải kiểm soát: 16.800 kg.

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay,..)	Rắn	10	18 02 01
2	Đầu mẫu que hàn	Rắn	120	07 04 01
3	Xi hàn có thành phần nguy hại	Rắn	30	07 04 02
4	Cặn sơn	Rắn	50	08 01 01
5	Thùng, bao bì kim loại đựng dầu nhớt và dung môi	Rắn	30	18 01 02
6	Bao bì cứng thải kim loại chứa thành phần nguy hại (thùng sơn, can đựng hóa chất,...)	Rắn	60	18 01 04

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
7	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại phát sinh từ hoạt động thải bỏ nước rửa tẩy trong dây chuyền sản xuất khung kim loại (phát sinh khoảng 02 năm/lần)	Lỏng	16.500	07 01 06
Tổng cộng:			16.800	

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận.

3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà máy và phương tiện giao thông vận chuyển phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư lân cận.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Các tác động khác trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

3.4.2. Các tác động khác trong giai đoạn vận hành của dự án

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

- Hoạt động khai thác nước dưới đất ảnh hưởng đến trữ lượng nguồn nước tại khu vực.

- Phát sinh các sự cố về kỹ thuật, sự cố rò rỉ nước, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà 01 vệ sinh di động tại công trường có dung tích 400 lít để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh, rửa các thiết bị xây dựng, nước từ hoạt động thăm dò và hoạt động khoan giếng: Bố trí bể lắng tạm để thu gom và lắng cặn nước thải trước khi tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất: Bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

4.1.2. Giai đoạn vận hành của dự án

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

- Phương án thu gom, xử lý: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 14,4 m³/ngày và nước thải sinh hoạt từ dự án Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm đan nhựa giả mây của Công ty (cách dự án khoảng 10m về phía Đông) khoảng 3,6 m³/ngày (theo Kế hoạch Bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại Giấy xác nhận số 22/GXN-STNMT ngày 13/12/2021) sau khi xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn tại các nhà vệ sinh được thu gom dẫn về HTXL nước thải, công suất 25 m³/ngày.đem đặt tại phía Nam dự án.

- Sơ đồ công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Nước thải đầu ra (đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số K = 1,0) được dẫn bằng đường ống HDPE (D = 200mm, L = 12m) đầu nối vào mương thoát nước hiện trạng dọc tuyến đường bê tông nông thôn phía Đông dự án. Tọa độ điểm xả thải X = 1.525.125; Y = 593.334, theo hệ VN2000, múi 3^o, kinh tuyến 108^o15.

b) Đối với nước thải sản xuất:

- Phương án thu gom: Nước thải sản xuất được thu gom, lắng sơ bộ thông qua các bể lắng (kết cấu bằng vật liệu Inox 304 dày 2mm hoặc bê tông chống thấm), tuần hoàn tái sử dụng tại, không thải ra môi trường, cụ thể:

+ Công đoạn rửa tẩy bằng hóa chất và phun phủ Nano: nước thải được thu gom về các bể chứa gồm 02 bể chứa nước tẩy dầu với kích thước mỗi bể là (1,5m x 1,2m x 1,0m), 01 bể bể chứa nước phun phủ nano kích thước (1,5m x 2,0m x 1,0m), sau đó tuần hoàn tái sử dụng về công đoạn tẩy rửa dầu và phun phủ Nano. Cặn sau lắng định kỳ sẽ được thu gom và xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Công đoạn rửa bằng nước: nước thải được thu gom về 01 bể chứa kích thước (1,5m x 2,0m x 1,0m) và 03 bể chứa có kích thước mỗi bể (1,5m x 3,0m x 1,0m) để lắng cặn sau đó được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ khoảng 1 năm, nước từ các bể sẽ được thay và xả về bể lắng 3 ngăn đặt tại khu vực phía Tây dự án kích thước (9,4m x 4,6m x 1,8m) để lắng cặn và tuần hoàn về các bể cho lần

thay tiếp theo. Sau thời gian nước từ bể lắng 3 ngăn không còn khả năng để rửa (khoảng 02 năm) sẽ được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định về CTNH.

+ Công đoạn làm mát trong dây chuyền sản xuất giấy nhựa: nước nóng từ máng giải nhiệt được đưa về tháp giải nhiệt để hạ nhiệt độ. Nước sau khi hạ nhiệt sẽ được lưu chứa tại bể kích thước (5m x 10m x 1,2m). Sau đó nước được bơm tuần hoàn về dây chuyền sản xuất, không thải ra môi trường.

c) Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng với nước thải, các tuyến thoát nước mưa được thiết kế tự chảy trên cơ sở cao độ sàn nền của dự án. Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương có nắp đan xung quanh khu vực nhà xưởng kích (0,4m x 0,5m) và mương kích thước (0,6m x 0,7m) sau đó đầu nối về hệ thống thoát nước dọc theo tuyến đường bê tông xi măng hiện trạng phía Đông dự án thông qua 02 điểm xả.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 02 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: Vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín tránh để rơi vãi.

- Bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: Sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa, đảm bảo không phát tán bụi ra xung quanh.

b) Giai đoạn vận hành của dự án: Bụi từ hoạt động phun sơn tĩnh điện: lắp đặt 02 hệ thống thu gom và xử lý bụi khép kín, công suất 25.000 m³/h/hệ thống để xử lý toàn bộ lượng bụi phát sinh từ 02 buồng phun sơn tĩnh điện trước khi thải ra ngoài đảm bảo đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với (Kp = 0,9; Kv = 1,2).

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → cyclone → hệ lọc bụi túi vải → quạt hút → hệ thống ống dẫn thoát ra bên ngoài nhà xưởng với kích thước (D = 700mm, H = 5m), đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với các hệ số (Kp = 0,9; Kv = 1,2).

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại công trường để thu gom; định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công: Bố trí các thùng thu gom rác tại công trường để thu gom; định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành của dự án:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác có nắp đậy tại nhà vệ sinh, dọc các khu vực sản xuất, văn phòng. Sau đó đưa về nhà chứa chất thải rắn diện tích 04 m² phía Nam dự án, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: thu gom về kho chứa diện tích 6 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại tại công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành của dự án: Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại tại nhà máy; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 6 m² tại phía Nam và hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, xử lý theo quy định. Riêng đối với cặn lắng từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại và dung dịch nước tẩy rửa thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu trực tiếp không lưu chứa tại kho.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.3.2. Giai đoạn vận hành của dự án

- Lắp đặt máy móc, dây chuyền sản xuất theo đúng kỹ thuật, đảm bảo chắc chắn, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị; trang bị bảo hộ lao động, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động,...

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.4.2. Giai vận hành của dự án

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ: Định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy; thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nguyên liệu và sản phẩm; công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hiện thao tác đúng cách khi có sự cố,...

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động: công nhân trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo định kỳ về an toàn lao động; thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên,...

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải,...

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Bố trí khu vực lưu chứa hóa chất theo đúng quy định; các hóa chất phục vụ sản xuất đều được dán tem, nhãn để công nhân lưu ý sử dụng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân,...

- Đối với mùi hôi phát sinh từ công đoạn gia nhiệt nhựa nguyên sinh và tái sinh, trường hợp có ảnh hưởng đến công nhân vận hành và các hộ dân lân cận thì phải bổ sung lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý mùi hôi đảm bảo.

- Trồng cây xanh theo quy hoạch với tổng diện tích 7.913,5 m² (chiếm 20,05% diện tích Dự án).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công dự án

Giám sát chất thải rắn

- Giám sát việc thu gom và chuyển giao nước thải, bùn thải từ nhà vệ sinh di động, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Giám sát khối lượng phát sinh; công tác phân loại, thu gom; hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; Biên bản, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát định kỳ khí thải (bụi)

- Vị trí giám sát: 2 vị trí
 - + 01 điểm tại miệng ống thoát khí sau khi xử lý của hệ thống xử lý bụi khu vực phun sơn tĩnh điện số 1;
 - + 01 điểm tại miệng ống thoát khí sau khi xử lý của hệ thống xử lý bụi khu vực phun sơn tĩnh điện số 2;
- Chỉ tiêu giám sát: Bụi tổng.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B theo QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với các hệ số ($K_p = 0,9$; $K_v = 1,2$).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại.
- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Thiết lập hệ thống biên báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối

đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.